

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THÔNG TIN TÍN DỤNG

PGS. TS. Hà Minh Sơn* - CN. Nguyễn Văn Trường**

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thế giới, thị trường ngân hàng và dịch vụ tài chính ở Việt Nam cũng đã có nhiều bước tiến đáng kể từ những năm đầu thế kỉ 21. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập và tăng cường hợp tác kinh tế quốc tế, các dịch vụ và hoạt động hỗ trợ tài chính - ngân hàng, dịch vụ tín dụng... có vai trò ngày càng quan trọng, góp phần làm cầu nối giúp các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp tiếp cận với nguồn tài chính, giúp các ngân hàng thương mại hạn chế được rủi ro, phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Ở Việt Nam, chất lượng sản phẩm thông tin tín dụng đã không ngừng được tăng lên, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế chưa đáp ứng được sự kì vọng. Để hiểu rõ hơn về vấn đề trên, bài viết này đã nghiên cứu và trình bày các nội dung liên quan đến sự phát triển sản phẩm thông tin tín dụng.

• Từ khóa: thông tin tín dụng, sản phẩm thông tin tín dụng, phát triển sản phẩm thông tin tín dụng.

Along with the development of the world economy, the banking and financial services market in Vietnam has also made significant progress since the early years of the 21st century. Especially in the context of integration and strengthening international economic cooperation, services and activities of financial support - banking, credit services... play an increasingly important role, contributing to help bridge economic organizations and enterprises access to financial resources, help commercial banks minimize risks, develop their business activities. In Vietnam, the quality of credit information products has been constantly increased, but there are still many shortcomings that do not meet expectations. To better understand the above issue, this article has studied and presented the content related to the development of credit information products.

• Keywords: credit information, credit information products, credit information product development.

Ngày nhận bài: 10/11/2018

Ngày chuyển phản biện: 15/11/2018

Ngày nhận phản biện: 21/11/2018

Ngày chấp nhận đăng: 24/11/2018

Thông tin tín dụng là các thông tin về khách hàng vay và những thông tin liên quan đến khách hàng vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Hoạt động thông tin tín dụng là việc thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng và cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng.

Sản phẩm thông tin tín dụng là các báo cáo thông tin, các ấn phẩm được công ty thông tin tín dụng

tạo ra trên cơ sở thông tin tín dụng thu thập được để cung cấp cho các tổ chức tín dụng, các tổ chức khác và cá nhân.

Mỗi loại sản phẩm thông tin tín dụng do vậy sẽ làm nổi bật những nội dung chính khác nhau. Đối với các ngân hàng thương mại thì sản phẩm thông tin tín dụng chủ yếu là các dữ liệu thống kê, phân tích liên quan đến khách hàng vay có thể là doanh nghiệp (pháp nhân) hay cá nhân (thể nhân).

Phát triển là một quá trình tăng tiến đối với một lĩnh vực trong một thời kỳ nào đó, thường là một năm, bao gồm cả sự tăng về qui mô và tăng về chất lượng. Lý thuyết phát triển cho rằng có mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng và phát triển, tăng trưởng là điều kiện cần cho phát triển. Phát triển sản phẩm là việc đưa ra các ý tưởng thú vị, hữu ích, phát triển các ý tưởng đó thành các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội.

Như vậy, phát triển sản phẩm thông tin tín dụng là hoạt động tạo ra sản phẩm thông tin tín dụng mới hoặc cải biến từ sản phẩm thông tin tín dụng sẵn có nhằm tạo ra sản phẩm thông tin tín dụng tốt hơn, có tính ứng dụng cao hơn với mục đích an toàn hệ thống ngân hàng.

- Phát triển về mặt lượng: là tăng số lượng cơ cấu các sản phẩm thông tin cung cấp cho thị trường, đây là một quá trình tăng tiến trong một thời kỳ, bao gồm tăng về qui mô hoạt động thông tin tín dụng, tăng sản lượng sản phẩm thông tin tín dụng.

- Phát triển về mặt chất: là tăng chất lượng của các sản phẩm thông tin tín dụng đã có ngày càng tốt hơn, thông tin được chính xác, đầy đủ và thông tin được truyền đi nhanh chóng hơn.

* Học viện Tài chính ** Vietinbank

- Phát triển cả mặt chất và lượng: từ những sự thay đổi về lượng, tăng cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng sẽ dẫn đến sự thay đổi về chất lượng sản phẩm. Trong mối quan hệ giữa chất và lượng của sản phẩm thông tin tín dụng thì chất lượng là mặt tương đối ổn định, còn số lượng là mặt biến đổi hơn.

Vai trò phát triển sản phẩm thông tin tín dụng

Thứ nhất, đối với nhà cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng

- Hỗ trợ giám sát ngân hàng, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm thông tin tín dụng cả về quy mô số lượng cũng như chất lượng các sản phẩm hiện có, điều này càng nâng cao năng lực, khẳng định vai trò quan trọng của nhà cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng đối với khách hàng.

- Đa dạng hóa về số lượng sản phẩm thông tin tín dụng sẽ đáp ứng nhu cầu của khách hàng sử dụng sản phẩm, điều này sẽ đem lại nguồn thu lớn cho đơn vị cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng.

Thứ hai, đối với khách hàng sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng

- Vấn đề hạn chế rủi ro trong hoạt động tín dụng của NHTM là hết sức quan trọng, vì vậy đòi hỏi NHTM phải chú trọng nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng. Để bộ máy quản trị rủi ro tín dụng hoạt động cần phải có hệ thống sản phẩm thông tin tín dụng hữu hiệu để cung cấp thông tin, mở rộng thông tin từ các nguồn bên ngoài.

Đồng thời sản phẩm thông tin tín dụng giúp đối phó với thông tin bất cân xứng và sự lựa chọn đối nghịch trong hoạt động tín dụng.

Trong những giao dịch diễn ra trên thị trường tài chính, một bên thường không biết tất cả những gì cần biết về phía bên kia để có quyết định đúng đắn. “Sự không cân bằng về thông tin mà bên kia có được gọi là thông tin không cân xứng”. Khi một khách hàng đến xin vay vốn ngân hàng bao giờ họ cũng đưa ra những thông tin tốt nhất, có lợi nhất của họ cho ngân hàng để đảm bảo các yêu cầu vay vốn được đáp ứng. Thông tin bất cân xứng là nguyên nhân gây ra rủi ro, thực tế trên thị trường luôn tồn tại thông tin không cân xứng giữa bên đi vay và bên cho vay dẫn đến sự lựa chọn đối nghịch và kết quả những người ít tín nhiệm (những người tích cực xin vay nhất) thì lại có nhiều khả năng được vay. Vì vậy, để đảm bảo an toàn, NHTM phải làm cách nào đó để có những thông tin đầy đủ, chính xác về khách hàng của mình, về nội dung các thông tin mà khách hàng đã cung cấp để quyết định cho món xin vay chắc

chắn sẽ hoàn trả đúng hạn và từ chối đối với món vay có độ rủi ro cao.

Giải pháp cho vấn đề này trên thị trường tài chính là đưa ra được các thông tin đầy đủ, có tác dụng loại bỏ thông tin bất cân xứng. Một cách thường làm để có được các thông tin đầy đủ là xây dựng, phát triển các sản phẩm thông tin tín dụng để thu thập và cung cấp thông tin cho các NHTM nhằm đối phó với thông tin không cân xứng và sự lựa chọn đối nghịch trong hoạt động tín dụng.

- Xét trên góc độ quản lý toàn danh mục tín dụng, phát triển sản phẩm thông tin tín dụng đã mang lại hiệu quả giúp NHTM trong việc đề ra chiến lược marketing nhằm hướng tới những khách hàng có ít rủi ro hơn, ước lượng mức vốn cho vay sẽ không thu hồi được để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng...

- Phát triển sản phẩm thông tin tín dụng còn giúp các NHTM đã xây dựng được một hệ thống chỉ tiêu đánh giá khách hàng theo hai nhóm chỉ tiêu chính đó là chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu phi tài chính, lượng hoá những chỉ tiêu này theo thang điểm để cán bộ ngân hàng dễ dàng trong việc phân loại khách hàng.

Các tiêu chí đánh giá phát triển sản phẩm thông tin tín dụng

Thứ nhất, các chỉ tiêu định lượng.

- Tốc độ tăng trưởng số lượng các bản tin cung cấp:

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng số lượng của bản tin cung cấp} = \frac{\text{Số lượng bản tin cung cấp năm N} - \text{Số lượng bản tin cung cấp năm (N-1)}}{\text{Số lượng bản tin cung cấp năm (N-1)}} \times 100\%$$

Tỷ lệ tăng trưởng số lượng bản trả lời tin được tính dựa trên sự gia tăng số lượng bản trả lời tin qua các năm. Chỉ tiêu này thể hiện hiệu quả hoạt động về qui mô sản lượng sản phẩm thông tin tín dụng cung cấp cho các đối tượng khách hàng, chỉ tiêu này có giá trị càng cao càng tốt, thể hiện hiệu quả trong việc phát triển sản phẩm thông tin tín dụng.

- Thời gian trả lời tin:

Chỉ tiêu này được thể hiện qua tỷ lệ số lượng bản tin trả lời tự động:

$$\text{Tỷ lệ số lượng bản tin trả lời tự động} = \frac{\text{Số lượng bản tin trả lời tự động}}{\text{Tổng số bản tin đã trả lời ra}} \times 100\%$$

Thời gian trả lời tin là khoảng thời gian tính từ khi tổ chức tín dụng có yêu cầu hỏi tin khách hàng đến khi tổ chức thông tin tín dụng có bản tin trả lời. Chỉ tiêu này thể hiện sự hoàn hảo, độ sẵn sàng của thông tin đã được lưu trữ, thông thường trả lời trong ngày.

Thời gian trả lời tin có thể tính bằng ngày, giờ. Chỉ tiêu này có giá trị càng ngắn càng tốt, theo chuẩn quốc tế là trả lời tức thời (khi tổ chức tín dụng có yêu cầu hỏi tin thì lập tức nhận được bản tin về khách hàng từ tổ chức thông tin tín dụng).

- Số tổ chức tín dụng tham gia chia sẻ và sử dụng thông tin trên tổng số tổ chức tín dụng hiện có, thể hiện qua 2 chỉ tiêu:

Số lượng các tổ chức tín dụng tham gia chia sẻ thông tin:

$$\text{Tỷ lệ TCTD báo cáo thông tin} = \frac{\text{Số TCTD báo cáo thông tin}}{\text{Tổng số TCTD hiện đang hoạt động}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này thể hiện mức độ chia sẻ thông tin giữa các tổ chức tín dụng. Giá trị từ 0 - 100% càng cao càng tốt.

Số lượng tổ chức tín dụng đăng ký sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng:

$$\text{Tỷ lệ TCTD sử dụng sản phẩm TTTD} = \frac{\text{Số lượng TCTD đăng ký sử dụng sản phẩm TTTD}}{\text{Tổng số TCTD hiện đang hoạt động}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này thể hiện độ bao phủ sản phẩm thông tin tín dụng, được tính dựa vào số tổ chức tín dụng đăng ký mua sản phẩm thông tin tín dụng trên tổng số tổ chức tín dụng đang hoạt động trong nền kinh tế.

Chỉ tiêu này có giá trị từ 0 - 100%, càng cao càng tốt.

- Cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng

Chỉ tiêu này thể hiện qua số hồ sơ khách hàng vay mà các tổ chức tín dụng báo cáo tăng dần qua các năm.

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng số lượng KH vay} = \frac{\text{Số lượng KH vay năm N} - \text{Số lượng KH vay năm (N-1)}}{\text{Số lượng KH vay năm (N-1)}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này thể hiện sự phát triển về mặt số lượng khách hàng vay trong kho dữ liệu thông tin tín dụng.

- Cơ cấu sản phẩm: Số lượng sản phẩm đa dạng về loại, phù hợp với nhu cầu thông tin tín dụng của các tổ chức tín dụng, khách hàng hỏi tin, đồng thời phải có giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm thông tin tín dụng và hoạt động chăm sóc KH trước, trong và sau bán như các chương trình hậu mãi, KH thân thiết, các gói sản phẩm nhằm đáp ứng một cách linh hoạt các nhu cầu khác nhau của khách hàng. Điều này được thể hiện ở các tiêu chí định lượng như: số lượng các dịch vụ, gói dịch vụ, chương trình chăm sóc và hỗ trợ KH mà Trung tâm đang cung cấp hiện đáp ứng được bao nhiêu % so với nhu cầu thực tế của KH; thêm vào đó là số lượng KH lựa chọn và đang sử dụng các sản phẩm thông tin tín dụng, số lượng KH trung thành và thân thiết, lượng KH hiện đang có nhu cầu tham khảo tư vấn về sản phẩm thông tin tín dụng...

Thứ hai, các chỉ tiêu định tính.

- Sản phẩm thông tin tín dụng có chính xác, tin cậy, tính bảo mật cao. Xét về mặt định tính, sự phát triển sản phẩm thông tin tín dụng đầu tiên là tính chính xác và đáng tin cậy, bảo mật thông tin? Thông tin có đáp ứng được nhu cầu tìm kiếm của KH qua các năm hay không? Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm thông tin tín dụng cũng được đánh giá qua việc thực hiện chính xác các giao dịch của KH ngay từ lúc đầu, bảo mật thông tin KH một cách tốt nhất, làm cho KH cảm thấy an toàn và tin tưởng khi sử dụng sản phẩm.

- Thái độ, phong cách phục vụ của nhân viên cũng là yếu tố rất quan trọng đối với sự phát triển sản phẩm thông tin tín dụng.

- Sự đa dạng về kênh cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng, càng nhiều kênh cung cấp sản phẩm mới bên cạnh phương pháp truyền thống cũng là yếu tố không thể thiếu cho sự phát triển sản phẩm thông tin tín dụng.

Các nhân tố ảnh hưởng sản phẩm thông tin tín dụng

Thứ nhất, nhân tố khách quan

- Hệ thống văn bản pháp luật có liên quan:

Để hình thành và phát triển hệ thống thông tin tín dụng và phát triển các sản phẩm thông tin tín dụng thì phải hình thành một hành lang pháp lý đầy đủ, làm căn cứ để cho phép các tổ chức tín

dụng chia sẻ thông tin tin dụng. Đây là nhân tố rất quan trọng, nó đảm bảo cho việc thu thập thông tin của các hãng thông tin tin dụng và bảo đảm công bằng, trung thực trong chia sẻ thông tin giữa các tổ chức tin dụng. Vì thế mà chức năng, quyền hạn của các cơ quan thông tin tin dụng trên khắp thế giới được luật pháp quy định rất rõ ràng. Với các cơ quan thông tin tin dụng công thì việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin tin dụng được tuân theo những quy định pháp lý của NHTW. Ngoài ra, nó còn phải tuân theo những quy định pháp lý khác như luật thông tin, luật bảo vệ người tiêu dùng. Còn đối với các cơ quan thông tin tin dụng tư, khuôn khổ pháp lý mỗi nước có những quy định tương đối khác nhau, như các luật có liên quan đến hoạt động của hãng thông tin tin dụng nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng vay vốn có thể bao gồm: luật thông tin; các quy định về bảo mật thông tin ngân hàng; luật bảo vệ dữ liệu; luật bảo vệ người tiêu dùng; các quy định về hỗ trợ tin dụng và tin dụng tiêu dùng; quy định về việc cung cấp các thông tin bảo mật của cá nhân hoặc công ty trong điều luật hiện có.

- Chất lượng nguồn thông tin đầu vào.

Chất lượng nguồn thông tin đầu vào là nhân tố rất quan trọng đối với sự phát triển sản phẩm thông tin tin dụng, nếu chất lượng nguồn thông tin đầu vào không được đảm bảo, sai lệch hoặc thiếu sót, sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động khác của trung tâm thông tin tin dụng như: hoạt động cung cấp thông tin cho các tổ chức tin dụng, các báo cáo cho NHNN... Do đó, muốn phát triển sản phẩm thông tin tin dụng thì trước hết, cần phải quan tâm phát triển kho dữ liệu cả về số lượng và chất lượng. Để làm được điều này, nguồn thông tin đầu vào phải được thu thập một cách đầy đủ, chính xác, khách quan và trung thực nhất. Qua quá trình xử lý thông tin, dữ liệu thông tin đầu vào sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu thông tin tin dụng chung. Cùng với thời gian, kho dữ liệu lưu trữ qua các năm ngày càng lớn, sẽ làm tiền đề cho sự phát triển mọi hoạt động phát triển sản phẩm thông tin tin dụng cho đơn vị cung cấp.

- Hội nhập kinh tế quốc tế:

Hội nhập là cơ hội đi liền với những thách thức cho sự phát triển hệ thống thông tin tin dụng nói chung. Kinh tế phát triển thì nhu cầu về thông tin tin dụng tăng lên để đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng. Từ đó thúc đẩy các đơn vị cung cấp sản phẩm luôn phải có chú trọng nâng cao chất lượng và số

lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Bên cạnh đó, đơn vị cung cấp sản phẩm thông tin tin dụng cũng phải đối mặt với nhiều đối thủ cạnh tranh hơn, thế lực cạnh tranh toàn cầu mạnh hơn, công cụ cạnh tranh và thủ đoạn cạnh tranh đa dạng, phức tạp hơn, những đòi hỏi của thị trường cũng ngày càng chặt chẽ và nghiêm ngặt hơn. Thực tế đòi hỏi sản phẩm thông tin tin dụng chất lượng, chi phí thấp, giá cả hợp lý, dịch vụ hoàn hảo, chính xác, kênh trao đổi thông tin phải tiện lợi... Song hành với đó là thách thức về công nghệ trong việc nghiên cứu, phát minh và ứng dụng trên toàn cầu. Trong cơn lốc của cách mạng công nghệ 4.0, đơn vị cung cấp sản phẩm thông tin tin dụng ở các nước phát triển đang và sẽ phải nỗ lực cao để giành sự vượt trội và độc quyền công nghệ hiện đại. Các doanh nghiệp phải tìm ra được bước đột phá hữu hiệu nhằm đẩy lùi nguy cơ tụt hậu về công nghệ.

Thứ hai, nhân tố chủ quan

- Cơ sở vật chất kỹ thuật và trình độ áp dụng công nghệ thông tin

Ngày nay, thông tin ngày càng nhiều về dung lượng và đa dạng về chủng loại, nếu thực hiện bằng thủ công thì sẽ cực kỳ tốn kém về lao động, của cải, thời gian mà vẫn không đảm bảo được nội dung, chất lượng, độ chính xác và an toàn của thông tin. Vì thế, việc áp dụng công nghệ thông tin đối với hoạt động thông tin tin dụng là một lẽ tất nhiên. Ưu điểm của công nghệ thông tin ngày nay không chỉ ở chỗ xử lý thông tin nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời, tốc độ cao mà nó còn có thể kết nối truyền tải thông tin từ nơi này đến nơi khác, ít bị trở ngại về khoảng cách và thời gian. Hơn nữa, với nền kinh tế ngày càng phát triển, dẫn đến quy mô khách hàng của các NHTM ngày càng tăng lên, điều đó đòi hỏi trung tâm thông tin tin dụng phải dựa trên các giải pháp công nghệ kỹ thuật tiên tiến, hiện đại phù hợp nhằm thu thập, lưu trữ và xử lý cũng như bảo quản một hệ thống dữ liệu lớn. Đồng thời, để nâng cao hiệu quả của quá trình thu thập thông tin tin dụng, thông tin thu thập ban đầu và thông tin cập nhật định kỳ thì đơn vị phải áp dụng những phương pháp thu thập thông tin trực tuyến, tự động trên cơ sở công nghệ thông tin. Trong công đoạn xử lý thông tin, chấm điểm tin dụng, xếp hạng tin dụng trên cơ sở phân tích, đối chiếu, so sánh một khối lượng lớn chỉ tiêu trong kho thông tin thì công nghệ thông tin càng không thể thiếu được. Việc tiếp cận khai thác, sử dụng dữ liệu thông tin tin dụng cũng có yêu

cầu chính xác, an toàn, bảo mật, nhanh chóng càng nhân mạnh thêm nhu cầu cần phải có những giải pháp công nghệ thông tin tiên tiến nhất.

Như vậy, có thể nói công nghệ thông tin giúp trung tâm thông tin tin dụng tăng năng suất lao động lên gấp nhiều lần, đảm bảo thông tin nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời và chi phí hợp lý để hạ giá thành sản phẩm thông tin tin dụng, điều này cũng có nghĩa là giảm chi phí thông tin đầu vào trong hoạt động tin dụng.

- Năng lực và trình độ của cán bộ thông tin tin dụng

Để hỗ trợ cho hoạt động của trung tâm thông tin tin dụng đạt hiệu quả thì công nghệ là nhân tố đặc biệt quan trọng, tuy nhiên, để sử dụng các chương trình phần mềm đó, thì cần phải có đội ngũ chuyên viên chuyên nghiệp, có đạo đức, có trình độ chuyên môn, có khả năng phân tích và xử lý thông tin độc lập. Đối với hoạt động của trung tâm thông tin tin dụng, khối lượng hồ sơ xử lý hàng ngày rất lớn. Trong quá trình xử lý có nhiều tình huống xảy ra, cần phải giải quyết dựa vào sự phán đoán của người làm mà không thể lập trình được. Bên cạnh đó, yêu cầu của sản phẩm thông tin tin dụng là phải đảm bảo tính chính xác, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính pháp lý, tính kinh tế, tính đảm bảo an toàn bảo mật.

Vì vậy, với đội ngũ chuyên viên có kinh nghiệm, am hiểu về pháp luật, về quy trình nghiệp vụ giúp cho việc thu thập xử lý dữ liệu và phân tích thông tin đảm bảo chính xác hơn, chất lượng hơn; các sản phẩm đầu ra được nhanh chóng, kịp thời hơn đáp ứng thông tin tin dụng cho các tổ chức tin dụng trong quá trình thẩm định khách hàng, từ đó, giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân tiếp cận được nguồn vốn nhanh hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Yếu tố nhân lực cũng là yếu tố để cho Ban lãnh đạo xem xét và cân đối giữa con người và công việc, đảm bảo không thừa, không thiếu nhân lực vì sự bất hợp lý đó sẽ ảnh hưởng lớn tới chính nguồn thu nhập của trung tâm thông tin tin dụng.

Tài liệu tham khảo:

Ngân hàng nhà nước Việt Nam, 2013, Thông tư 03/2013/TT-NHNN, tháng 05/2013 của Thống đốc NHNN về việc ban hành Quy chế hoạt động thông tin tin dụng, Hà Nội 2013.

Phạm Thị Mai Phương, 2012, đề tài nghiên cứu khoa học - Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu cảnh báo tại Trung tâm thông tin tin dụng quốc gia Việt Nam, Hà Nội 2012.

Lã Kim Phụng, 2009, đề tài nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu về hệ thống chấm điểm tin dụng thể nhân tại trung tâm thông tin tin dụng quốc gia Việt Nam, Hà Nội 2009.

NHỮNG QUAN HỆ KINH TẾ TRONG CÁC TỔNG CÔNG TY..

(Tiếp theo trang 58)

định của Ban lãnh đạo TCT dựa trên các số liệu ban đầu.

5. Đề xuất, khuyến nghị

Để khắc phục một số khó khăn, hạn chế trên, Tổng công ty và các công ty con cần thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, các công ty con và công ty mẹ cần thực hiện lập BCTC hợp nhất tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Thực hiện đồng hoá các chính sách kế toán đối với các giao dịch trong những điều kiện và hoàn cảnh tương tự, thực hiện đồng hoá đối với các BCTC riêng không được lập cùng kỳ kế toán...

Thứ hai, Tổng công ty cần thiết lập và duy trì một hệ thống thu thập thông tin cho mục đích lập BCTC hợp nhất. Các công việc yêu cầu bao gồm xây dựng mẫu biểu báo cáo hợp nhất, kiểm tra và rà soát các mẫu biểu do các công ty con gửi và thực hiện đối chiếu, loại trừ nội bộ. Bộ máy kế toán cần được chuyên môn hoá hơn nữa về tổ chức BCTC

hợp nhất. Cần thiết phải có bộ phận, cán bộ chuyên trách vấn đề này tại các đơn vị trực thuộc, có như vậy ngay từ các khâu phát sinh tại các đơn vị trực thuộc này thì bộ phận, cán bộ chuyên trách mới biết được cách xử lý cũng ghi chép số liệu.

Các công việc này cần được thực hiện thường xuyên, hàng tháng, quý, thay vì chỉ tập trung vào thời điểm cuối năm để có thể cung cấp kịp thời các thông tin tài chính hợp nhất, phục vụ cho mục đích quản trị và lập kế hoạch của Tổng công ty.

Tài liệu tham khảo:

*Luật kế toán số: 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015.
Luật Doanh nghiệp: 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.*

Nghị định 101/2009/NĐ-CP về thi điểm thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý tập đoàn kinh tế Nhà nước.

Nghị định 111/2007/NĐ-CP về tổ chức, quản lý tổng công ty Nhà nước và chuyển đổi tổng công ty Nhà nước, công ty Nhà nước độc lập, công ty mẹ là công ty Nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2005.

Nghị định số: 69/2014/NĐ-CP ngày 15/7/2014 về Tập đoàn kinh tế Nhà nước và Tổng công ty Nhà nước.

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.